

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 2311/CV-CIC ngày 23/11/2022 của Công ty cổ phần Vật liệu carbon CIC về việc chỉnh sửa và bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu carbon CIC Việt Nam tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1049/TTr-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Vật liệu carbon CIC, địa chỉ tại: Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy sản xuất vật liệu carbon CIC Việt Nam tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu carbon CIC Việt Nam tại Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 2700788446, đăng ký lần đầu ngày 08/07/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

1.4. Mã số thuế: 2700788446

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất than hoạt tính, than carbon hóa, than lọc xử lý nước

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 6.886,1 m².

- Công suất: 48.000 tấn thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Vật liệu carbon CIC:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Vật liệu carbon CIC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực

hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 05 tháng 12 năm 2022 đến ngày 05 tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Bim Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Vật liệu carbon CIC;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thị xã Bim Sơn (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. UBND TỈNH THANH HÓA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy phát sinh khoảng 4,4 m³/ngày đêm được thu gom xử lý trong các bể tự hoại sau đó dẫn về Bể xử lý nước thải hợp khối có công suất 5,0m³/ngày đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý công suất 5m³/ngày đêm chảy ra mương thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau đó chảy ra Sông Tam Điệp.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án tại xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰):
X = 542207.1; Y = 2221162.8

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 4,4 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau bể khử trùng tự chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án, sau đó chảy ra sông Tam Điệp.

- Hình thức xả: Xả mặt

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy được thu gom bằng hệ thống đường ống về Bể xử lý nước thải hợp khối công suất 5 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Bể xử lý nước thải hợp khối (Nước thải lần lượt đi vào các ngăn xử lý gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí Anoxic → Ngăn hiếu khí Aerotank → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng) → Đường ống thoát nước thải → Mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án, sau đó chảy ra sông Tam Điệp.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine dạng viên nén (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành Bể xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của Bể xử lý nước thải hợp khối, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Bể xử lý nước thải hợp khối, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng (từ tháng 2/2023 đến tháng 7/2023).

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải tại hố ga sau xử lý trước khi chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.3 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ quá trình sấy, hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính, lưu lượng khí thải lớn nhất là 15.000 m³/giờ;
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hệ thống nghiền sản phẩm, lưu lượng khí thải lớn nhất là 10.000 m³/giờ.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 100 KVA, lưu lượng khí thải lớn nhất là 430 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- + Vị trí xả khí thải số 01 (khí thải sau xử lý tại ống khói cao 15m của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy và hoạt hóa than): Tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 542306,2; Y = 2221241,5);
- + Vị trí xả khí thải số 02 (khí thải sau xử lý tại thiết bị lọc bụi túi vải cao 10m): Tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 542308; Y = 2221235);
- + Vị trí xả khí thải số 03 (tại ống xả của máy phát điện dự phòng): Tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 542214,7; Y = 2221177,6).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.430 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 430 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- + Nguồn số 01: Xả liên tục 24 giờ/ngày
- + Nguồn số 02: Xả liên tục 24 giờ/ngày
- + Nguồn số 03: Xả không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $k_p = 0,9$, hệ số $k_v = 0,8$, cột B cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	144	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	360		
3	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612		
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	720		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Khí thải phát sinh từ quá trình sấy và hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính được thu gom bằng đường ống dẫn khí đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải bằng 01 quạt hút công suất 15.000 m³/giờ.

- Khí thải của máy phát điện dự phòng khi hoạt động, nhà sản xuất đã tích hợp hệ thống xử lý khí thải động cơ diezen trong hệ thống ống thoát khí thải động cơ kèm theo máy để đảm bảo khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống dẫn khí → Quạt hút → Ống thông đạo → Tháp phun sương → Ống thoát khí → ra môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2. phần A Phụ lục này).

- Bụi phát sinh từ quá trình nghiền, sàng sản phẩm được thu gom bằng thiết bị lọc bụi túi vải.

- Khí thải của máy phát điện dự phòng đã tích hợp trong hệ thống ống thoát khí thải của động cơ diezen kèm theo máy → ra môi trường

+ Công suất thiết kế: 430 m³/giờ.

1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

1.3.2. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng (từ tháng 2/2023 đến tháng 7/2023).

2.3. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu khí thải tại ống khói cao 15m của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy, hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, máy phát điện dự phòng theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Thực hiện vận hành máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thay thế thiết bị cho hệ thống xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị nghiền, sàng, quạt gió phục vụ quá trình sấy, hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính;
- + Nguồn số 02: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung số 1 (tại dây truyền sấy, hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính): Tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 542292,8; Y = 2221208,7);

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung số 2 (tại máy phát điện dự phòng): Tại Xóm Trường Sơn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 542214,7; Y = 2221177,6).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 02	87
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	25
3	Hộp mực in văn phòng thải	08 02 08	15
4	Dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị	17 02 03	155
5	Can nhựa đựng dầu mỡ thải	18 01 03	28
Tổng khối lượng			310

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bao bì đựng sản phẩm thải	250
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	318
3	Bụi than lắng cặn thu được từ HTXL bụi và từ thiết bị thu bụi túi vải	60.665
Tổng khối lượng		61.233

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	19,8
2	Giấy văn phòng	0,138
3	Panel gỗ, nhựa	0,120
4	Bìa carton, túi nilon thải	0,050

Tổng khối lượng	20,108
------------------------	---------------

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 100 - 200 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 5m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa cứng có dung tích 100 - 200 lít để lưu giữ tại kho lưu giữ.

- Các thùng đựng rác có dung tích 15 - 20 lít đặt tại văn phòng và xưởng sản xuất

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu giữ chất thải rắn thông thường: Diện tích 5m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng đựng rác có dung tích 10 - 20 lít đặt tại văn phòng và nhà ăn

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Lưu giữ tại kho chất thải rắn thông thường: Diện tích 5m².

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với khí thải;

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục thực hiện:

Tiếp tục triển khai cải tạo các hạng mục, công trình: 1 nhà kho thành phẩm diện tích 1.140m²; Hệ thống cấp điện; Bể nước PCCC; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thu gom và thoát nước thải; Bể xử lý nước thải hợp khối.

1.2. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

1.2.1. Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối

- 01 Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối của nhà máy công suất 5m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ xử lý sinh học. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2), trước khi xả ra mương thoát nước chung, sau đó chảy ra sông Tam Điệp.

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ → Bể xử lý nước thải hợp khối (Nước thải lần lượt đi vào các ngăn xử lý gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí Anoxic → Ngăn hiếu khí Aerotank → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng) → Đường ống thoát nước thải → Mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây Nam của dự án, sau đó chảy ra sông Tam Điệp.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy và hoạt hóa than và làm nguội than hoạt tính. Khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 0,9, K_v = 0,8), trước khi xả ra ngoài môi trường.

+ Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

Quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải → Ống dẫn khí → Quạt hút → Ống thông đạo → Tháp phun sương → Ống thoát khí cao 15 m → ra môi trường

1.2.3. Kho lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

- 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 5m².
- 01 kho lưu giữ chất thải rắn thông thường, diện tích 5m².

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: Sử dụng nhà vệ sinh có sẵn tại Nhà máy, nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 10m³, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.
- Nước thải xây dựng: Được tận dụng triệt để vào việc trộn bê tông, trộn vữa...
- Thường xuyên quét dọn để đảm bảo vệ sinh tại công trường, hạn chế tối đa các vật liệu rơi vãi.
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông cống thải và hố ga đảm bảo không có các loại rác thải, đất đá cản trở dòng chảy.

2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 10m³ sau đó dẫn về Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối công suất 5m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2), trước khi xả ra mương thoát nước chung phía Tây Nam của dự án, sau đó chảy ra sông Tam Điệp.
- Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải và nước dập bụi từ quá trình sàng nguyên liệu: Thu gom vào bể chứa thể tích 15m³ để tuần hoàn tái sử dụng.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

2.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;
- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Nhà máy:
 - + Thường xuyên tưới nước, rửa sân đường trong khu vực nhà máy khi trời nắng nóng và hanh khô;
 - + Sử dụng xăng dầu đạt tiêu chuẩn, không sử dụng xăng dầu trôi nổi, không đảm bảo chất lượng;

+ Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ và độ ồn thấp;

- Bụi từ quá trình sàng nguyên liệu:

+ Lắp đặt dàn phun nước phía trên dây truyền sàng phân loại

- Bụi, khí thải từ quá trình sấy và hoạt hóa than:

+ 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sấy và hoạt hóa than. Khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 0,9, Kv = 0,8), trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Bụi từ quá trình nghiền, sàng sản phẩm:

+ Lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:

+ Lựa chọn dầu nguyên liệu có chất lượng tốt

+ Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị tránh gây rò rỉ dầu mỡ và giảm khả năng gây ồn, rung khi thiết bị hoạt động.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

2.3.1. Trong giai đoạn thi công

- Sử dụng 3 thùng đựng rác dung tích 120L để đựng rác sinh hoạt trong khu vực dự án nhằm tránh vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường;

- Chất thải xây dựng như: đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... thuê đơn vị đến vận chuyển đi san lấp ở nơi khác hoặc vận chuyển đến nơi đổ thải quy định của tỉnh. Nhà thầu thi công sẽ có thỏa thuận đổ thải với công ty môi trường đô thị sau khi dự án được phê duyệt;

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác sẽ được thu gom và đem đến kho lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời khoảng 5 m² để lưu giữ.

- Sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí các thùng đựng rác có dung tích 10 - 20 lít đặt tại văn phòng và nhà ăn;

+ Lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 5m²;

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Lưu giữ bằng các thùng nhựa cứng có dung tích 100 - 200 lít tại kho lưu giữ;

+ Bố trí các thùng đựng rác có dung tích 15 - 20 lít đặt tại văn phòng và xưởng sản xuất;

+ Lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải rắn thông thường diện tích 5m², kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

2.4.1. Trong giai đoạn thi công

- CTNH được thu gom và lưu giữ trong từng thùng chứa riêng biệt thể tích 50 - 70 lít có nắp đậy kín, dán mã CTNH.

- Lưu giữ tại kho CTNH tạm thời diện tích 3m², được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Lưu giữ tại các thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 100 - 200 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH

- Lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 5m². Kho lưu chứa CTNH có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lòng phòng cho sự cố khi thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

+ Sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

2.5.1. Trong giai đoạn thi công

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người;

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, lắp thêm các thiết bị giảm thanh cho các máy móc thiết bị có độ ồn, rung cao;

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...);

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân;

- Thành lập bộ phận an toàn lao động tại công ty, có trách nhiệm theo dõi, giám sát nhắc nhở việc thực hiện các quy định về an toàn;

- Tiến hành hoạt động an toàn vệ sinh lao động cho công nhân mới, đào tạo định kỳ theo đúng quy định tiến hành.

- Khi có sự cố xảy ra, kịp thời làm công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu đối với người bị ảnh hưởng trước khi chuyển đến bệnh viện.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

2.6.1. Trong giai đoạn thi công

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

2.6.2. Trong giai đoạn vận hành

- Đối với Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối:

- + Vận hành Bể xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

- + Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

- + Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải:

- + Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định;

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

2.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

2.7.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Dự án có 2 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: 01 Bể xử lý nước thải sinh hoạt hợp khối và 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng

a. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Tại hố ga sau HTXL nước thải trước khi thoát ra mương thoát nước chung của khu vực

- Thông số giám sát: Lưu lượng; pH; BOD₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms

- Tần suất: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,2).

b. Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi từ quá trình sấy và hoạt hóa than.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂)

- Tần suất: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v=0,8; K_p=0,9).

2.7.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

Kiểm tra, giám sát việc phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng để xử lý. Các điểm giám sát bao gồm: Kho lưu giữ chất thải rắn thông thường và kho lưu giữ chất thải nguy hại.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Bể xử lý nước thải hợp khối đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo đảm chất lượng sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số $k_p=0,9$, hệ số $k_v=0,8$, cột B.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm

trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.